

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CƠ BẢN VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG CỦA XÃ

Phùng Chí Hiền^(*)

Điều tra “Tình hình cơ bản và kết cấu hạ tầng của xã” (Phiếu số: 3/ĐT-X) là một nội dung chính của cuộc Tổng Điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản tháng 7 năm 2006.

Dựa vào số liệu thu thập được theo phiếu trên có thể phân tích tình hình cơ bản và kết cấu hạ tầng của xã giúp lãnh đạo có kế hoạch biện pháp thiết thực đúng đắn đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, hoàn thiện kết cấu hạ tầng của xã, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn

- Trước hết so sánh những chỉ tiêu của hai cuộc Tổng Điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản năm 2001 và năm 2006 để xác định cụ thể sự biến đổi tình hình cơ bản và kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường học, trạm xá, v.v...), đội ngũ cán bộ chủ chốt xã nhanh hay chậm, và so với kế hoạch, mục tiêu đề ra, đạt hay không đạt, đúng hướng hay không để có kế hoạch biện pháp thiết thực, đúng đắn đẩy nhanh việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng, trẻ hoá và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chủ chốt xã:

- Các chỉ tiêu về điện, giao thông nông thôn: Tỷ lệ xã có điện, tỷ lệ thôn có điện, tỷ lệ thôn có điện lưới quốc gia, tỷ lệ xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã, tỷ lệ xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã đã được nhựa, bê tông hoá; phân tổ và tính tỷ lệ xã theo mức độ bê tông hoá, nhựa hoá đường liên thôn, tỷ lệ xã có đường liên thôn chưa

được nhựa hoá, bê tông hoá, tỷ lệ xã có đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá 100%, tỷ lệ xã đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá từ 75 đến dưới 100%, tỷ lệ xã có đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá từ 50 đến dưới 75%, tỷ lệ xã có đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá từ 25 đến dưới 50%, tỷ lệ xã có đường liên thôn được nhựa hoá, bê tông hoá dưới 25%.

- Các chỉ tiêu về trường học, giáo dục mầm non: Tỷ lệ xã có nhà trẻ, tỷ lệ xã có nhà trẻ tư thực, tỷ lệ thôn có nhà trẻ, tỷ lệ xã có lớp mẫu giáo, tỷ lệ xã có lớp mẫu giáo tư thực, tỷ lệ thôn có lớp mẫu giáo, tỷ lệ xã có trường tiểu học, tỷ lệ xã có trường trung học cơ sở, tỷ lệ xã có trường trung học phổ thông, tỷ lệ trường mẫu giáo mầm non kiên cố trong tổng số trường mẫu giáo mầm non, tỷ lệ trường mẫu giáo mầm non bán kiên cố trong tổng số trường mẫu giáo mầm non, tỷ lệ trường tiểu học kiên cố trong tổng số trường tiểu học, tỷ lệ trường tiểu học bán kiên cố trong tổng số trường tiểu học, tỷ lệ trường trung học cơ sở kiên cố trong tổng số trường trung học cơ sở, tỷ lệ trường trung học cơ sở bán kiên cố trong tổng số trường trung học cơ sở, tỷ lệ trường trung học phổ thông kiên cố trong tổng số trường học phổ thông, tỷ lệ trường trung học phổ thông bán kiên cố trong tổng số trường trung học phổ thông.

^(*) Tiến sĩ

- Các chỉ tiêu về trạm bưu điện, nhà văn hoá, thư viện, thông tin liên lạc, trạm truyền thanh: Tỷ lệ xã có trạm bưu điện, tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hoá, tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hoá có nối mạng internet, số máy vi tính của điểm bưu điện văn hoá có nối mạng bình quân 1 xã, tỷ lệ xã có điểm dịch vụ internet, tỷ lệ xã có nhà văn hoá xã, tỷ lệ thôn có nhà văn hoá thôn, tỷ lệ thôn được công nhận làng văn hoá, tỷ lệ xã có tủ sách pháp luật, tỷ lệ xã có thư viện, tỷ lệ xã có trạm truyền thanh liên thôn.

- Các chỉ tiêu về y tế, thú y, nước sạch, vệ sinh môi trường, khuyến nông, lâm, ngư: Tỷ lệ xã có trạm y tế, tỷ lệ xã có trạm y tế được xây kiên cố, tỷ lệ xã có trạm y tế được xây bán kiên cố, số bác sỹ (y sỹ, y tá) bình quân 1 xã, số bác sỹ trên 10.000 dân, tỷ lệ xã có cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân, tỷ lệ xã có cửa hàng dược phẩm, tỷ lệ xã có cán bộ thú y, tỷ lệ xã có cán bộ thú y thôn, tỷ lệ thôn có cán bộ thú y thôn, tỷ lệ xã có người hành nghề thú y tư nhân, tỷ lệ xã có công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung, tỷ lệ xã có xây dựng hệ thống thoát nước thải chung, tỷ lệ thôn có hệ thống thoát nước thải chung, tỷ lệ xã có tổ chức (hoặc thuê) các hình thức thu gom rác thải nói chung và theo từng hình thức thu gom (chôn lấp, đốt, đưa đến bãi tập trung, hình thức khác). Tỷ lệ xã có cán bộ khuyến nông, lâm, ngư, số cán bộ khuyến nông, lâm, ngư bình quân 1 xã, tỷ lệ thôn có cán bộ khuyến nông, lâm, ngư.

- Các chỉ tiêu về thuỷ lợi, tưới tiêu chủ động, làm đất bằng máy: Tổng số chiều dài kênh mương, thuỷ lợi do xã quản lý, số km kênh mương được kiên cố hoá, tỷ lệ kênh mương được kiên cố hoá, tỷ lệ xã kênh mương được kiên cố hoá 100%, tỷ lệ xã kênh mương được kiên cố hoá 50 đến dưới 100%, tỷ lệ xã kênh mương được kiên cố

hoá dưới 50%, tỷ lệ xã có trạm bơm nước phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản trên địa bàn của xã, số trạm bơm nước phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản bình quân 1 xã, tỷ lệ đất trồng cây hàng năm được tưới chủ động, tỷ lệ đất trồng cây hàng năm được tiêu chủ động, tỷ lệ đất trồng lúa được tưới chủ động, tỷ lệ đất trồng lúa được tiêu chủ động, tỷ lệ đất trồng cây hàng năm được làm đất bằng máy, tỷ lệ đất trồng lúa được làm đất bằng máy, tỷ lệ đất trồng cây hàng năm tưới tiêu phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, tỷ lệ đất trồng lúa tưới tiêu phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, tỷ lệ đất trồng cây lâu năm tưới tiêu phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, tỷ lệ đất trồng cây công nghiệp lâu năm tưới tiêu phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên.

- Các chỉ tiêu về chợ, ngân hàng, tín dụng, cơ sở chế biến: Tỷ lệ xã có chợ, tỷ lệ xã có chợ được xây kiên cố, bán kiên cố, tỷ lệ xã trên địa bàn của xã có ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tỷ lệ số xã có quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn xã, tỷ lệ xã có cơ sở chuyên chế biến nông sản, tỷ lệ xã có cơ sở chuyên chế biến lâm sản, tỷ lệ xã có cơ sở chuyên chế biến thuỷ sản, tỷ lệ xã có cơ sở chuyên làm muối.

- Các chỉ tiêu thực hiện một số chính sách xã hội: Tỷ lệ hộ được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà năm 2005, tỷ lệ người được cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế, tỷ lệ hộ được cấp "Sổ khám chữa bệnh miễn phí", tỷ lệ người được đào tạo nghề miễn phí năm 2005, tỷ lệ hộ được vay vốn theo các chương trình dự án (dự án trong nước, nước ngoài, trung ương, địa phương) năm 2005, số vốn vay bình quân 1 hộ, tỷ lệ hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, tỷ lệ hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp và chuyên đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp: Cơ cấu đất nông nghiệp trên địa bàn xã, cơ cấu đất nông nghiệp trên địa bàn xã theo từng đối tượng sử dụng (hộ gia đình cá nhân, UBND xã, tổ chức kinh tế trong nước, các tổ chức có yếu tố nước ngoài, các tổ chức khác), tỷ lệ đất nông nghiệp của từng đối tượng sử dụng so với tổng số, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất chuyên dùng bình quân 1 xã, cơ cấu đất nông nghiệp chuyển sang đất chuyên dùng, cơ cấu đất chuyên dùng do đất nông nghiệp chuyển sang (dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, xây khu đô thị mới, làm giao thông thủy lợi, đất chuyên dùng khác), cơ cấu diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp, đất làm muối, đất nông nghiệp khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản.

- Các chỉ tiêu về kinh tế tập thể: Số lượng HTX nông, lâm nghiệp, số lượng HTX thủy sản, số lượng HTX công nghiệp, số lượng HTX xây dựng, số lượng HTX thương nghiệp, số lượng HTX vận tải, số lượng HTX khác; số tổ hợp tác nông, lâm nghiệp, tỷ lệ tổ hợp tác nông, lâm nghiệp được UBND xã công nhận, tỷ lệ thành viên tham gia tổ hợp tác nông, lâm nghiệp được UBND xã công nhận, số thành viên tham gia tổ hợp tác nông, lâm nghiệp bình quân 1 tổ, số tổ hợp tác thủy sản, tỷ lệ tổ hợp tác thủy sản được UBND xã công nhận, tỷ lệ thành viên tham gia tổ hợp tác thủy sản được UBND xã công nhận, số thành viên tham gia tổ hợp tác thủy sản bình quân 1 tổ.

- Các chỉ tiêu về làng nghề: Số làng nghề, số làng nghề truyền thống, số hộ tham gia các làng nghề, số người tham gia các làng nghề, số làng nghề có sử dụng thiết bị xử lý nước thải, chất thải độc hại, tỷ lệ xã có

làng nghề, tỷ lệ xã có làng nghề truyền thống, tỷ lệ làng nghề truyền thống so với tổng số làng nghề, tỷ lệ hộ tham gia các làng nghề so với tổng số hộ, tỷ lệ người tham gia các làng nghề so với tổng số người, tỷ lệ làng nghề có sử dụng thiết bị xử lý nước thải, chất thải độc hại so với tổng số làng nghề. Các chỉ tiêu này nhằm đánh giá sự phát triển của các làng nghề về các ngành nghề, mặt hàng sản xuất, về việc thu hút lực lượng lao động của các làng nghề và việc bảo vệ môi trường của các làng nghề.

- Các chỉ tiêu về điều kiện làm việc của cán bộ xã: Tỷ lệ xã có trụ sở làm việc được xây kiên cố, tỷ lệ xã có trụ sở làm việc được xây bán kiên cố, tỷ lệ xã có trụ sở làm việc không được xây kiên cố, bán kiên cố, tỷ lệ xã có trụ sở làm việc của xã có máy điện thoại, tỷ lệ xã có trụ sở làm việc của xã có máy vi tính, số máy vi tính hiện đang sử dụng bình quân 1 xã, tỷ lệ xã có trụ sở làm việc của xã có nối mạng cục bộ (LAN), tỷ lệ máy tính của xã có nối mạng cục bộ (LAN), tỷ lệ xã có trụ sở làm việc của xã có kết nối internet, tỷ lệ máy vi tính của xã có kết nối internet, tỷ lệ xã có trang thông tin điện tử (website) nhằm đánh giá thực trạng trụ sở làm việc của xã, quy mô và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của xã giúp lãnh đạo có kế hoạch, biện pháp đẩy nhanh việc kiên cố hoá trụ sở làm việc của xã và ứng dụng nhanh, vững chắc công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và chỉ đạo của xã.

- Các chỉ tiêu về đội ngũ cán bộ chủ chốt xã: Cơ cấu giới tính (nam, nữ), cơ cấu độ tuổi (dưới 30 tuổi, 30 đến 40 tuổi, 40 đến 50 tuổi, trên 50 tuổi), cơ cấu trình độ văn hoá (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), cơ cấu trình độ [\(tiếp theo trang 12\)](#)

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CƠ BẢN..... (tiếp theo trang 15)

chuyên môn (không có trình độ chuyên môn, công nhân kỹ thuật sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên), cơ cấu trình độ lý luận chính trị (chưa qua bồi dưỡng, sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân trở lên), cơ cấu trình độ quản lý nhà nước (chưa qua bồi dưỡng, đã qua bồi dưỡng) của đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, và từng loại cán bộ chủ chốt xã (bí thư đảng ủy xã, chủ tịch UBND xã, phó chủ tịch UBND xã (thứ nhất), phó chủ tịch UBND xã (thứ hai)), nhằm đánh giá đội ngũ cán bộ chủ chốt xã nói chung và từng loại cán bộ chủ chốt về tuổi đời, về trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước để

có kế hoạch, biện pháp pháp thiết thực, đúng đắn xây dựng trẻ hoá và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt xã.

Các chỉ tiêu được tính toán phân tích chung cho các xã và riêng cho từng vùng (xã miền núi, xã vùng cao, xã hải đảo, xã vùng khác), từng loại xã thuộc chương trình 135 (xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, xã bãi ngang ven biển hải đảo), nhằm phản ánh thực trạng tình hình cơ bản và kết cấu hạ tầng của xã, đội ngũ cán bộ xã, việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ở nông thôn trong từng loại xã để có kế hoạch biện pháp thiết thực đẩy nhanh việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn ■